

# News Release

Ngày 3 tháng 7 năm 2012

## KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM

### Tình hình xấu nhất có lẽ đã qua rồi...

- GDP trong nửa đầu năm 2012 tăng ít hơn 5% cho thấy ngay cả khi các biện pháp nới lỏng có tác dụng vào nửa cuối năm thì nền kinh tế cũng có thể chỉ tăng trưởng 5,1% trong năm nay.
- Trong tháng 6, chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng (PMI) của ngân hàng HSBC về ngành sản xuất Việt Nam lại sụt giảm do nhu cầu trong nước và nước ngoài đều yếu.
- Giá cả hàng hoá trong tháng 6 đã giảm và sẽ còn dưới 6% trong tháng 7 so với cùng kỳ năm ngoái, tạo điều kiện cho Ngân hàng Nhà nước (NHNN) cắt giảm thêm lãi suất trên thị trường mở.

### ...nhưng vẫn còn nhiều việc phải làm

Thế giới điều đứng với tình hình tại khu vực đồng tiền chung châu Âu, và chỉ có kỳ vọng nhỏ nhoi là các nhà lãnh đạo châu Âu sẽ tìm ra các giải pháp cụ thể để giải quyết rốt ráo cuộc khủng hoảng một lần và cho tất cả các nước thành viên. Các quan sát viên của Việt Nam đồng cảm với kỳ vọng đó khi hy vọng rằng làm chậm quá trình tăng trưởng có thể là chất xúc tác giúp quốc gia thanh lọc và trút bỏ những gánh nặng đang đè lên nền kinh tế, nhưng đồng thời không làm ngăn cản đà tăng trưởng.

Vấn đề chính ở Việt Nam là nền kinh tế đang bị khu vực kinh tế Nhà nước chiếm ưu thế (khoảng 40% GDP cả nước). Bộ phận này sử dụng vốn kém hiệu quả nhất nhưng lại chiếm đa số tổng nguồn vốn đầu tư tại Việt Nam. Do hầu hết các khoản đầu tư không được sử dụng hiệu quả và có ích nên các yếu tố đầu vào sản sinh rất ít các mặt tích cực, nếu không muốn nói là các kết quả tiêu cực trong suốt năm năm vừa qua. Không những thế, khu vực kinh tế Nhà nước này vừa hoạt động không hiệu quả vừa luôn đòi hỏi những hỗ trợ để có thể tiếp tục tồn tại. Tăng trưởng tín dụng trung bình trong mười năm qua vượt quá 30% đã tạo ra sự thúc đẩy nhu cầu và đầu tư cởi mở hơn. Nhưng sự trở lại của lạm phát cao trong năm 2011 đã chấm dứt thời kỳ chạy đua tăng trưởng tín dụng. Chính phủ đã “bật tín hiệu” ủng hộ sự ổn định kinh tế vĩ mô hơn tăng trưởng nhanh, biểu hiện ở tăng trưởng tín dụng năm 2011 giảm còn 14,4% (điều chỉnh cao lên từ mức 10,9%).

Một số cải cách bắt đầu được tập hợp thực hiện bao gồm cả việc yêu cầu các doanh nghiệp Nhà nước công khai doanh thu lợi nhuận và tiếp tục tái cơ cấu ngành ngân hàng. Triển vọng nhất là dự thảo chiến lược của Bộ Công thương nhằm thu hút các doanh nghiệp nhỏ và vừa của nước ngoài đến phát triển các cụm công nghiệp. Những bước cải cách này cùng

Được phát hành bởi

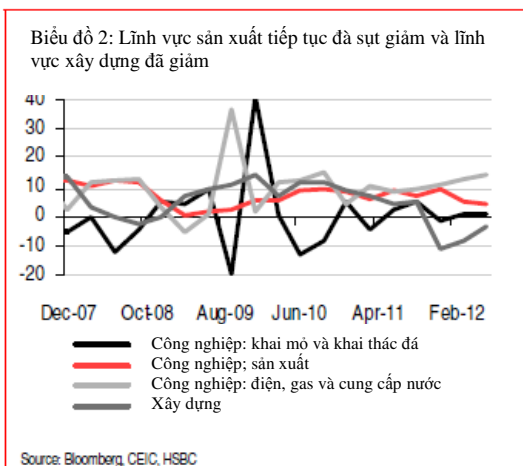
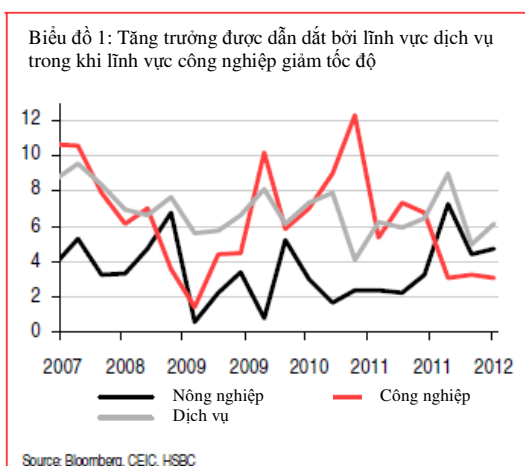
**NH TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)**

Trụ sở chính tại:  
235 Đồng Khởi, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh  
Web: [www.hsbc.com.vn](http://www.hsbc.com.vn)



với nhiều hình thức khác đều rất cần thiết giúp Việt Nam tăng năng suất và bớt phụ thuộc vào tăng trưởng dựa vào đầu vào. Tuy nhiên, trong thời điểm hiện tại, suy thoái là điều khó có thể tránh khỏi. Ngành sản xuất và xây dựng bị sụt giảm một cách đáng kể do nhu cầu thấp và những điều kiện hoạt động khó khăn.

Tin tốt lành là lạm phát đang chậm lại và có thể sẽ dừng ở mức một con số trong năm nay và cả trong năm sau. Tăng trưởng có thể sẽ đẩy nhanh trong nửa cuối năm chứng tỏ tình hình xấu nhất dường như đã được vượt qua. Tuy nhiên, nhu cầu vẫn còn thấp và các khoản nợ xấu tiếp tục treo lơ lửng trên hệ thống nên còn rất nhiều việc cần phải làm để trút bỏ gánh nặng cho nền kinh tế. Từ bây giờ trở đi, chỉ ít nền kinh tế cũng đang theo đúng hướng.



## Con dao hai lưỡi

### Chỉ số PMI tháng 6 giảm sâu do nhu cầu trong nước và nước ngoài thấp

Một vài người tại Việt Nam đang hoan hỉ khi thấy dấu hiệu khởi sắc của tăng trưởng trong thời gian gần đây: nền kinh tế trong quý II đã tăng trưởng 4,7% so với cùng kỳ năm ngoái từ mức 4,1% trong quý I. Điều này thể hiện ở sự vững mạnh của lĩnh vực dịch vụ khi tăng từ mức 5% trong quý I lên 6,2% trong quý II so với cùng kỳ năm ngoái, kết hợp với sự phục hồi ngành nông nghiệp khi tăng từ mức 4,5% lên 4,7% trong quý II. Trong khi đó, các ngành công nghiệp và xây dựng lại giảm nhẹ từ mức 3,2% ở quý I xuống còn 3,1% trong quý II so với cùng kỳ năm ngoái. Ngành xây dựng tiếp tục giảm mặc dù đang có xu hướng phục hồi. Đáng chú ý nhất là sự sụt giảm của lĩnh vực sản xuất vốn chiếm khoảng 27% GDP của cả nước đã chậm lại còn 4,4% trong quý II từ mức 4,9% trong quý I so với cùng kỳ năm ngoái. Thể hiện tình hình đó là sự giảm sâu của Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng (PMI) ngành sản xuất tại Việt Nam trong tháng 6, đánh dấu ba tháng sụt giảm liên tiếp kể từ tháng 3.2012.

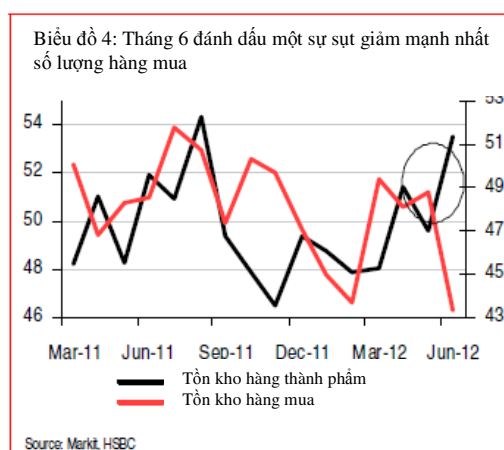
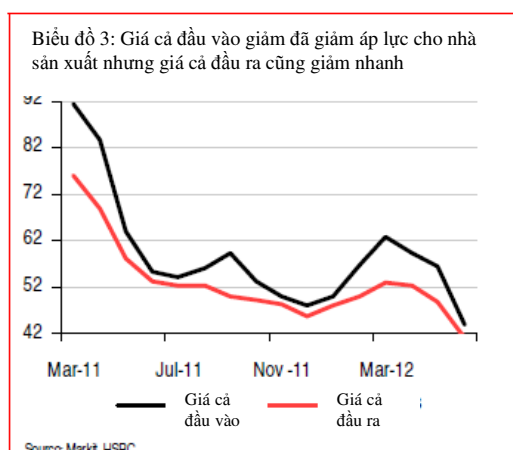
Tất cả các chỉ số phụ của PMI đều thể hiện sự giảm sút mạnh, ngoại trừ chỉ số hàng tồn kho thành phẩm và chỉ số thời gian giao hàng của nhà cung cấp. Tháng 6 là tháng thứ hai mà chỉ số PMI toàn phần có kết quả thấp nhất kể từ khi khảo sát được bắt đầu thực hiện từ tháng 4.2011. Cả chỉ số đơn đặt hàng mới và đơn đặt hàng xuất khẩu mới đều giảm hai tháng liên tiếp chứng tỏ nền kinh tế toàn cầu đang suy giảm và các khách hàng ngày càng thắt chặt ngân sách chi tiêu. Thêm nữa, nhiều giám đốc mua hàng cũng viện dẫn lý do thiếu nguồn vốn lưu động đã làm doanh số bán hàng giảm sút trong tháng 6. Theo họ, do chỉ số tồn kho hàng mua giảm và số lượng hàng tồn tăng trong những tháng trước đã làm giảm chỉ số công việc chưa được thực hiện. Điều đáng lo ngại là sự sụt giảm việc làm mà những

tháng trước đây đều thể hiện dấu hiệu tích cực. Chỉ số việc làm giảm chứng tỏ các giám đốc mua hàng không chỉ đang giảm bớt tích lũy hàng tồn kho mà còn lo ngại về triển vọng của các tháng sắp tới. Điểm tích cực là chỉ số giá cả đầu vào đang giảm do giá xăng dầu giảm và nhu cầu yếu hơn cho nguyên vật liệu thô. Sự cạnh tranh mạnh mẽ để giành đơn hàng mới cũng như chi phí đầu vào đang rớt đã làm giá cả đầu ra cũng giảm xuống. Chỉ số tồn kho hàng mua cũng giảm mạnh trong tháng 6 – mức giảm mạnh nhất kể từ khi khảo sát được bắt đầu. Điều này phản ánh việc mua hàng đã giảm ở toàn ngành. Do nhu cầu kém và cạnh tranh mạnh mẽ hơn nên việc bán hàng trong tháng 6 đang thấp hơn mong đợi, kết quả là hàng thành phẩm tồn kho nhiều hơn. Hoạt động sản xuất trong tháng 6 thấp chứng tỏ ngành này khó có khả năng phục hồi sớm do nhu cầu cả trong nước lẫn nước ngoài vẫn còn rất yếu.

| <b>BẢNG 1: CHỈ SỐ PMI NGÀNH SẢN XUẤT VIỆT NAM VÀ NHỮNG CHỈ SỐ PHỤ</b> |              |              |              |                  |
|---|--------------|--------------|--------------|------------------|
|   | Tháng 4.2012 | Tháng 5.2012 | Tháng 6.2012 | Trung bình 1 năm |
| Chỉ số PMI toàn phần  | 49,5         | 48,3         | 46,6         | 49,8             |
| Sản lượng   |              |              |              | 50,1             |
| Đơn đặt hàng mới  |              |              |              | 50,1             |
| Đơn đặt hàng xuất khẩu mới  |              |              |              | 50,8             |
| Công việc chưa được thực hiện   |              |              |              | 49,6             |
| Tồn kho hàng thành phẩm   |              |              |              | 49,8             |
| Việc làm  |              |              |              | 50,4             |
| Giá cả đầu ra   |              |              |              | 53,0             |
| Giá cả đầu vào  |              |              |              | 58,9             |
| Thời gian giao hàng của nhà cung cấp                                  |              |              |              | 51,3             |
| Tồn kho hàng mua  |              |              |              | 47,8             |
| Số lượng hàng mua   |              |              |              | 49,7             |

Chú thích:

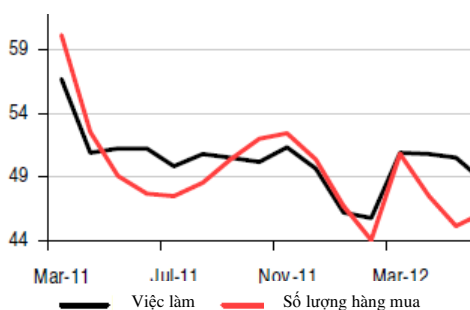
|                             |  |                                       |  |
|-----------------------------|--|---------------------------------------|--|
| Ít hơn 50 điểm và đang giảm | Ít hơn 50 điểm và đang tăng hay giữ nguyên | Cao hơn hay bằng 50 điểm và đang giảm | Cao hơn hay bằng 50 điểm và đang tăng hay giữ nguyên |
|-----------------------------|--|---------------------------------------|--|



## Nhu cầu giảm giúp nhẹ bớt áp lực lạm phát

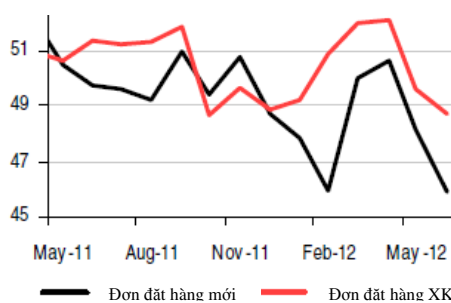
Cả hai số liệu về doanh thu bán lẻ và thương mại đều phản ánh môi trường kinh doanh nội địa đang còn rất yếu. Doanh thu bán lẻ - một yếu tố đại diện cho tiêu dùng nội địa - vẫn trên đà giảm sút. Lĩnh vực kinh doanh duy nhất có sự tăng trưởng là ngành nhà hàng khách sạn. Xuất khẩu trong tháng 6 có chậm lại nhưng vẫn tăng trưởng 20,4% so với cùng kỳ năm ngoái từ mức 24,9% trong tháng 5. Nhu cầu nước ngoài yếu hơn cũng như giá cả hàng hoá rẻ hơn đã thể hiện ở kết quả này. Hoạt động nhập khẩu tăng từ mức 13,3% trong tháng 5 lên 18,6% trong tháng 6 so với cùng kỳ năm ngoái. Nguyên nhân chính của mức tăng này là do các hoạt động sản xuất đã bắt đầu khôi phục thể hiện rõ ở số liệu tăng của nhập khẩu đầu vào. Các mặt hàng tiêu dùng chủ yếu như nhập khẩu thực phẩm đều giảm xuống. Mặc dù đã qua sáu tháng đầu năm, thâm hụt thương mại chỉ ở mức 685 triệu USD trong khi con số cùng kỳ năm trước là 6,4 tỷ USD. Thậm chí nếu tình hình kinh tế có phục hồi trong sáu tháng cuối năm, thâm hụt thương mại có vẻ sẽ chỉ dừng lại ở con số 6,7 tỷ USD so với 9,8 tỷ USD trong năm 2011.

Biểu đồ 5: Việc làm giảm sau nhiều tháng tăng lên



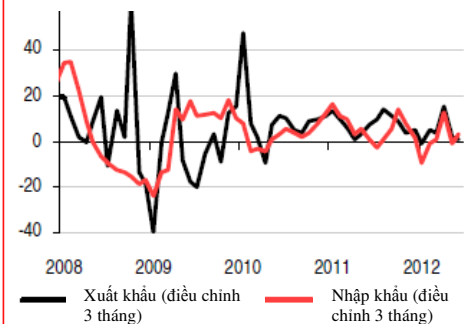
Source: Markit, HSBC

Biểu đồ 6: Nhu cầu trong và ngoài nước đều thấp



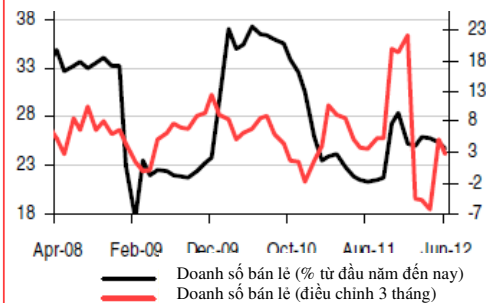
Source: Markit, HSBC

Biểu đồ 7: Tăng trưởng xuất khẩu đang giảm nhưng vẫn mạnh mẽ trong khi nhập khẩu tăng nhẹ nhưng vẫn thấp



Source: Bloomberg, Uetli, HSBC

Biểu đồ 8: Doanh số bán lẻ lại chậm và về khuynh hướng, chỉ số này đang chỉ sự yếu kém



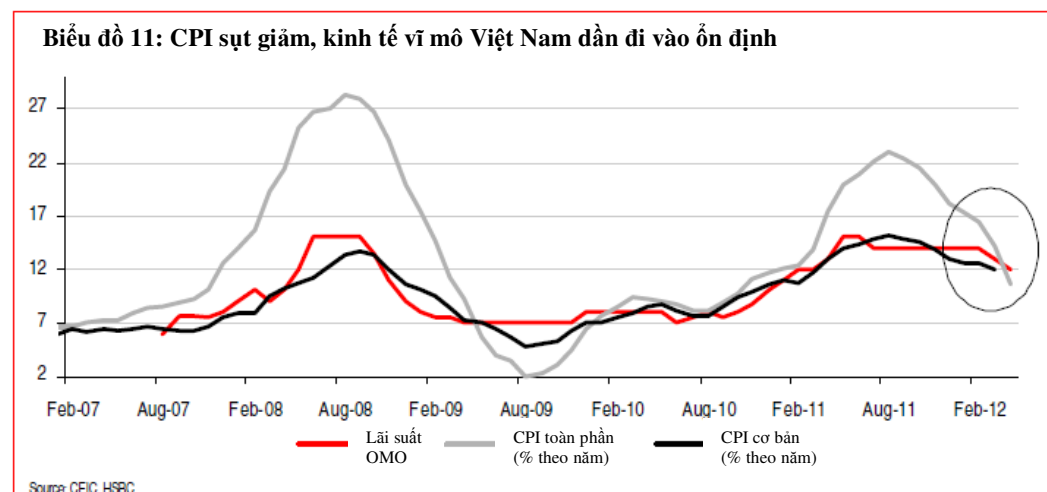
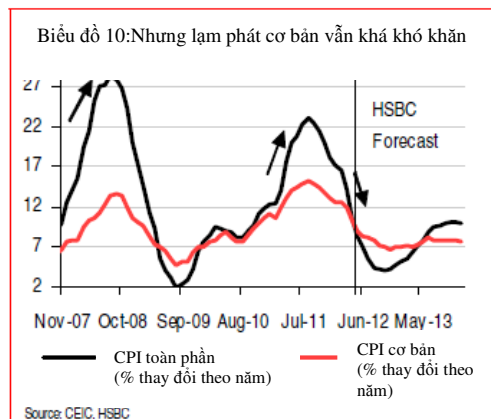
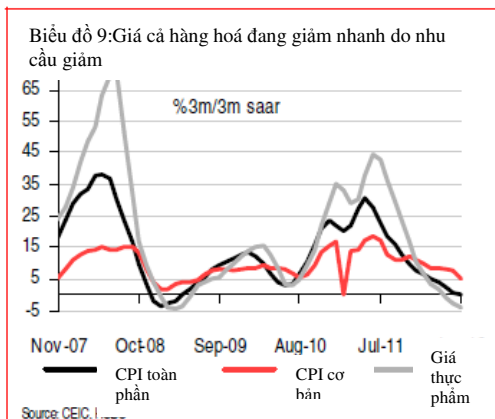
Source: CEIC, HSBC

Tháng trước, Việt Nam đã chứng kiến sự quay lại của lạm phát một con số. Chúng tôi đã dự đoán giá cả sẽ còn giảm xuống trong tương lai. Trong tháng 6, chỉ số lạm phát toàn phần đã giảm xuống còn 6,9% so với cùng kỳ năm ngoái từ mức 8,3% của tháng 5. Xét về tính liên tục, giá cả từ mức không tăng trong tháng 5 sau khi điều chỉnh theo mùa đã giảm 0,1% so với tháng trước. Lạm phát giá cả thực phẩm từ đỉnh điểm của tháng 8 năm 2011 là 34,1% so với cùng kỳ năm trước đã giảm xuống còn 6,3% trong tháng 6 (so sánh với mức 8,5% của

tháng 5). Sau khi đã điều chỉnh theo mùa, giá cả thực phẩm so với tháng trước vẫn không thay đổi trong khi tháng 5 có giảm 0,1%. Lạm phát cơ bản (loại trừ yếu tố giá thực phẩm và năng lượng) giảm từ mức 9% trong tháng 5 xuống còn 8,3% so với cùng kỳ năm ngoái. Xét về tính liên tục, con số này tăng 0,1% so với tháng trước sau khi đã điều chỉnh theo mùa so với mức tăng 0,4% trong tháng 5. Chúng tôi dự đoán giá cả sẽ tiếp tục giảm trong những tháng tới do giá dầu đang giảm và nhu cầu vẫn còn yếu kém. Tuy nhiên, nhiều khả năng lạm phát cơ bản sẽ giữ mức xấp xỉ 8%.

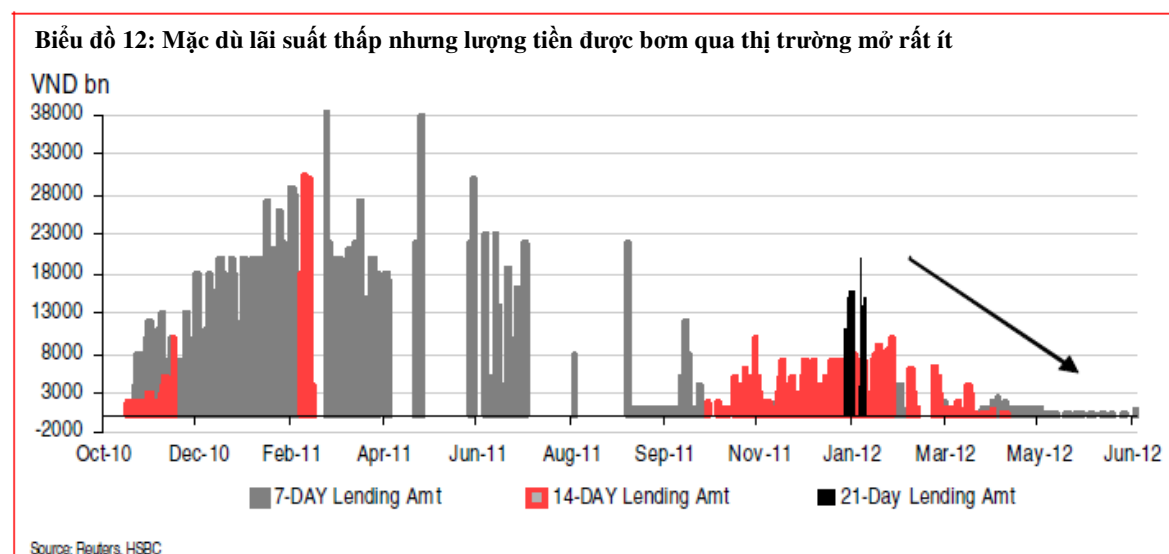
### ***Các mức lãi suất cơ bản đã giảm nhưng tăng trưởng tín dụng vẫn trì trệ***

Trong tình hình giá cả giảm thấp hơn so với dự kiến, NHNN đã giảm các mức lãi suất xuống 4% trong quý I và đã cắt giảm trần lãi suất thêm 5%. Động thái này nằm trong kế hoạch của NHNN nhằm kích thích tiêu dùng và thể hiện cam kết với công chúng rằng NHNN đang nỗ lực hết mình để hỗ trợ kinh doanh và sản xuất. Trong báo cáo trước, chúng tôi đã dự đoán NHNN sẽ giảm lãi suất thêm 2% nữa cho đến quý III.2012 vì lạm phát đang trên đà giảm nhanh và tình hình tăng trưởng vẫn còn trì trệ. Tuần trước, NHNN đã cho phép thị trường tự thiết lập mức lãi suất trên thị trường mở (OMO) thay vì đề ra mức lãi suất cho các tổ chức tài chính vay ở thị trường này. Lãi suất từ mức 10% xuống còn 8,5% trong ngày đầu thầu đầu tiên và giảm xuống còn 8% trong ngày tiếp theo. Chúng tôi dự đoán mức lãi suất này sẽ được duy trì trong quý III. Trong trường hợp lạm phát cơ bản xuống thấp hơn nữa, lãi suất trên thị trường mở có thể giảm xuống mức 7% và khó có khả năng giảm nữa. NHNN ngày 29.6 đã ra thông báo cắt giảm thêm 1% lãi suất chiết khấu và lãi suất tái cấp vốn, theo đó lãi suất tái cấp vốn giảm từ mức 11% xuống 10%, lãi suất tái chiết khấu từ mức 9% còn 8%.



Mặc dù các mức lãi suất đã giảm đi nhưng tăng trưởng tín dụng vẫn còn chậm do nhu cầu thấp và các doanh nghiệp không có đủ tài sản thế chấp để vay vốn. Biểu đồ 12 cho thấy NHNN vừa bơm một lượng nhỏ tiền cho nền kinh tế. Tín dụng trong nền kinh tế đã giảm 0,6% kể từ cuối năm 2011 cho đến tháng 4 vừa qua. Điều này cho thấy tăng trưởng tín dụng có khả năng chỉ đạt mức 13% trong năm nay mặc cho những nỗ lực của NHNN trong việc khuyến khích vay vốn.

Tình hình kinh tế vĩ mô của Việt Nam có vẻ khả quan hơn khi lạm phát hạ nhiệt và thâm hụt thương mại ngày càng thu hẹp. NHNN có thể tích lũy nhiều dự trữ ngoại hối hơn nhằm quản lý nền kinh tế trước những rủi ro. Thêm vào đó, các cuộc cải cách đang tăng tốc để giải quyết các vấn đề sâu xa trong nền kinh tế. Điều này rất cần thiết để xây dựng một chiến lược phát triển bền vững, theo đó bảo đảm tăng trưởng được xây dựng trên năng suất cao chứ không phải do tăng trưởng tín dụng. Do vậy, mặc dù tăng trưởng còn chậm nhưng đây có thể là một điều may mắn tiềm ẩn cho nền kinh tế.



## Việt Nam: Chỉ số kinh tế vĩ mô

|   | 2007 | 2008  | 2009  | 2010  | 2011  | 2012f | 2013f |
|---|------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
| <b>Sản xuất, Nhu cầu và Việc làm</b>    |      |       |       |       |       |       |       |
| Tăng trưởng GDP (% theo năm)            | 8,5  | 6,3   | 5,3   | 6,8   | 5,9   | 5,1   | 5,8   |
| GDP danh nghĩa (tỷ USD)                 | 70,9 | 91,1  | 97,2  | 106,4 | 123,6 | 140,7 | 161,1 |
| GDP theo đầu người (USD)                | 843  | 1.052 | 1.064 | 1.156 | 1.373 | 1.546 | 1.751 |
| Tiêu dùng cá nhân (% theo năm)          | 10,8 | 9,3   | 3,1   | 10,0  | 4,4   | 4,2   | 5,3   |
| Chi tiêu Chính phủ (% theo năm)         | 8,9  | 7,5   | 7,6   | 12,2  | 7,1   | 5,0   | 5,1   |
| Đầu tư (% theo năm)                     | 24,2 | 3,8   | 8,7   | 10,9  | -10,4 | 2,0   | 4,7   |
| Sản xuất công nghiệp (% theo năm)       | 17,1 | 14,6  | 7,6   | 14,0  | na    | na    | na    |
| Tổng tiết kiệm quốc nội (% GDP)         | 33,3 | 29,0  | 31,9  | 34,7  | 32,1  | 30,8  | 30,5  |
| Thất nghiệp, cuối năm (%)               | 4,6  | 4,7   | 4,6   | 4,3   | 4,5   | 4,6   | 4,4   |
| <b>Giá cả và Tiền lương</b>             |      |       |       |       |       |       |       |
| CPI, trung bình (% theo năm)            | 8,3  | 23,1  | 7,0   | 9,2   | 18,6  | 8,7   | 8,7   |
| CPI, cuối năm (% theo năm)              | 12,6 | 19,9  | 6,5   | 11,8  | 18,1  | 5,4   | 9,9   |
| CPI lõi, trung bình (% theo năm)        | 6,5  | 11,0  | 6,9   | 8,5   | 13,4  | 9,4   | 7,9   |
| CPI lõi, cuối năm (% theo năm)          | 7,6  | 10,6  | 7,0   | 10,6  | 13,0  | 7,5   | 7,7   |
| PPI, trung bình (% theo năm)            | 6,8  | 20,0  | 7,7   | 12,1  | 17,8  | 11,6  | 11,2  |
| PPI, cuối năm (% theo năm)              | 11,0 | 21,8  | 7,3   | 12,6  | 20,1  | 8,0   | 8,5   |
| Lương sản xuất, danh nghĩa (% theo năm) | 12,2 | 20,0  | 15,8  | 16,5  | 19,0  | 12,0  | 13,0  |

|                                       | 3Q 11  | 4Q 11  | 1Q 12  | 2Q 12f | 3Q 12f | 4Q 12f | 1Q 13f | 2Q 13f | 3Q 13f | 4Q 13f |
|---------------------------------------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|
| GDP (% theo năm)                      | 6,1    | 6,1    | 4,1    | 4,6    | 5,5    | 5,8    | 6,2    | 6,1    | 5,4    | 5,5    |
| GDP sa (% theo quý)                   | 2,1    | 2,9    | -2,5   | 2,1    | 3,0    | 3,2    | -2,1   | 2,0    | 2,3    | 3,3    |
| Sản xuất công nghiệp (% theo năm)     | na     | na     | na     | na     | na     | na     | na     | na     | na     | na     |
| CPI (% theo quý saar)                 | 18,6   | 10,3   | 5,5    | 1,2    | 4,3    | 9,3    | 10,9   | 9,8    | 9,8    | 9,8    |
| CPI, trung bình (% theo năm)          | 22,5   | 20,6   | 15,9   | 7,2    | 4,9    | 5,4    | 7,0    | 9,2    | 10,0   | 9,9    |
| Xuất khẩu, giá trị (% theo năm)       | 39,7   | 31,5   | 29,7   | 20,1   | 14,4   | 19,8   | 23,4   | 26,7   | 27,1   | 25,5   |
| Nhập khẩu, giá trị (% theo năm)       | 28,6   | 18,9   | 9,2    | 9,4    | 16,6   | 26,2   | 35,8   | 34,4   | 23,5   | 15,7   |
| Cán cân thương mại (% GDP)            | -3,7   | -5,8   | 0,9    | -4,3   | -7,7   | -7,1   | -11,7  | -8,3   | -5,5   | -0,8   |
| Dự trữ ngoại hối (tỷ USD)             | 12,0   | 11,5   | 15,0   | 15,5   | 16,0   | 16,5   | 16,0   | 16,0   | 16,0   | 16,0   |
| Lãi suất cơ bản, cuối quý (%)         | 14,00  | 14,00  | 13,00  | 10,00  | 8,00   | 8,00   | 9,00   | 10,00  | 10,00  | 10,00  |
| Tỷ suất lợi nhuận 5 năm, cuối quý (%) | 11,00  | 11,00  | 11,00  | 11,00  | 11,00  | 11,00  | 11,00  | 11,00  | 11,00  | 11,00  |
| VND/USD, cuối quý                     | 20.830 | 21.034 | 20.900 | 21.500 | 21.500 | 21.500 | 21.500 | 21.500 | 21.500 | 21.500 |
| VND/EUR, cuối quý                     | 27.912 | 27.262 | 27.588 | 26,875 | 27.950 | 29.025 | 29.455 | 29.670 | 29.885 | 30.100 |
| Nguồn: HSBC, CEIC                     |        |        |        |        |        |        |        |        |        |        |

-----

## Thông tin báo chí vui lòng liên hệ:

Lý Hoài Anh +84 8 3520 3483 [anh.hoai.ly@hsbc.com.vn](mailto:anh.hoai.ly@hsbc.com.vn)

## Ghi chú cho Ban biên tập:

### 1. Những quy định quan trọng về công bố thông tin

Tài liệu này được chuẩn bị và phát hành bởi Bộ phận Nghiên cứu của HSBC. Tài liệu này chỉ mang tính chất cung cấp thông tin và không được xem như một đề nghị chào bán hay tư vấn chào mua chứng khoán hay bất kỳ sản phẩm đầu tư nào khác được đề cập trong tài liệu này hoặc dùng để phục vụ cho chiến lược kinh doanh. Những nhận định trong tài liệu này mang tính tổng quát và không nên được xem như nhận định cá nhân, vì tài liệu này được chuẩn bị mà không dựa vào mục đích, tình trạng tài chính hay nhu cầu của bất kỳ một nhà đầu tư cụ thể nào. Do đó, các nhà đầu tư trước khi hành động dựa trên những nhận định này, cần xem xét tính phù hợp của chúng, về mục đích, tình trạng tài chính hay nhu cầu. Nếu cần thiết, có thể tìm đến tư vấn của chuyên gia đầu tư và tư vấn thuế.

### 2. Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)

Ngân hàng HSBC mở văn phòng đầu tiên ở Sài Gòn (nay là Thành phố Hồ Chí Minh) vào năm 1870 và đã có mặt tại Việt Nam trên 140 năm. Tháng 1.2009, HSBC là ngân hàng nước ngoài đầu tiên thành lập ngân hàng 100% vốn nước ngoài với tên gọi Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam). Hiện tại, mạng lưới hoạt động của ngân hàng bao gồm một sở giao dịch chính, một chi nhánh và năm phòng giao dịch tại TP. Hồ Chí Minh, một chi nhánh, ba phòng giao dịch và một quỹ tiết kiệm tại Hà Nội, bốn chi nhánh tại Bình Dương, Cần Thơ, Đà Nẵng, và Đồng Nai và hai văn phòng đại diện tại Hải Phòng và Vũng Tàu. HSBC hiện là một ngân hàng nước ngoài lớn nhất tại Việt Nam xét về mạng lưới hoạt động, sản phẩm, số lượng nhân viên và khách hàng.

### 3. Ngân hàng Hồng Kông và Thượng Hải

Ngân hàng Hồng Kông và Thượng Hải là sáng lập viên và là thành viên chủ chốt của Tập đoàn HSBC. Với 7.200 văn phòng và chi nhánh tại 85 quốc gia và vùng lãnh thổ và tài sản trị giá 2.556 tỷ đô la Mỹ tính tới 31 tháng 12 năm 2011, Tập đoàn HSBC là một trong những tổ chức dịch vụ tài chính và ngân hàng lớn nhất thế giới.

-----